

**Thông tin an toàn sản phẩm****1. NHẬN DẠNG SẢN PHẨM/CHẾ PHẨM VÀ CÔNG TY - ĐƠN VỊ KINH DOANH**

<b>Tên sản phẩm</b>	: Shell Turbo Oil T 46
<b>Khuyến cáo sử dụng / Hạn chế sử dụng</b>	: Dầu tua bin.
<b>Mã Sản phẩm</b>	: 001A9783
<b>Nhà cung cấp</b>	: <b>Công Ty Shell Vietnam TNHH</b> Lầu 7, Cao ốc Văn Phòng Kumho Asiana Plaza 39 Lê Duẩn, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh Vietnam
<b>Điện thoại</b>	: +84 8 38240300
<b>Fax</b>	: +84 8 38257603
<b>Số Điện thoại Khẩn cấp</b>	: +84 8 38257602 (Trong giờ làm việc)

**2. NHẬN DẠNG NGUY CƠ**

<b>Phân loại theo GHS</b>	: Không độc,
<b>Các từ tín hiệu</b>	: Không có cảnh báo bằng chữ viết
<b>Công bố về nguy hiểm theo</b>	: <b>TÁC HẠI VẬT LÝ:</b> Không bị phân loại là độc hại theo tiêu chuẩn GHS.  <b>TÁC HẠI VỚI SỨC KHOẺ:</b> Không thuộc loại nguy hại đối với sức khoẻ theo tiêu chuẩn của GHS.  <b>TÁC HẠI ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG:</b> Không thuộc loại nguy hại đối với môi trường theo các tiêu chuẩn phân loại của GHS.

**Công bố về cảnh báo theo GHS**

<b>Phòng Ngừa</b>	: Không có khuyến cáo.
<b>Trả lời</b>	: Không có khuyến cáo.
<b>Lưu trữ</b>	: Không có khuyến cáo.
<b>Thải loại:</b>	: Không có khuyến cáo.

**Các mối nguy hại khác không được nêu trong phân loại** : Không được phân loại là chất dễ cháy nhưng có thể cháy.

Nếu da tiếp xúc thường xuyên và lâu dài mà không có chế độ vệ sinh hợp lý, sẽ bị bít lỗ chân lông và dẫn đến các rối loạn như nổi mụn do dầu / sừng tấy. Dầu mỡ đã qua sử dụng có

**Thông tin an toàn sản phẩm**

chứa các thành phần gây hại.

**3. CẤU TẠO CHẤT/THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN**

**Miêu tả chế phẩm** : Dầu khoáng tinh chế và các chất phụ gia.

**Phân loại các thành phần theo GHS**

Nhận dạng về hoá chất	Đồng nghĩa	CAS	Loại Nguy Hiểm	Công bố về nguy hiểm theo	Nồng độ
N-phenyl-1-naphtylamin		90-30-2	Skin Sens., 1; Aquatic Chronic, 1;	H317; H410;	0.10 - 0.24 %
Dầu gốc có độ nhớt có thể thay đổi được (<20,5 mm <sup>2</sup> /s @ 40°C) *			Asp. Tox., 1;	H304;	0.00 - 90.00 %

**Thông tin Bổ sung** : Theo tiêu chuẩn IP346 thì dầu khoáng tinh chế chứa ít hơn < 3% chiết xuất DMSO.

Tham khảo Ch16 để biết nguyên văn các cụm từ H-.

\* có nhiều số CAS sau đây: 64742-53-6, 64742-54-7, 64742-55-8, 64742-56-9, 64742-65-0, 68037-01-4, 72623-86-0, 72623-87-1, 8042-47-5, 848301-69-9.

**4. CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU**

**Thông tin Chung** : Không được cho là có nguy hiểm cho sức khỏe khi sử dụng trong điều kiện bình thường.

**Những phương pháp sơ cấp cứu cho những phơi nhiễm khác nhau:**

**Hít phải** : Không cần có sự điều trị nào trong những điều kiện sử dụng thông thường. Trong trường hợp các triệu chứng không thuyên giảm, cần phải xin chỉ dẫn y tế.

**Tiếp xúc với Da** : Loại bỏ quần áo bị dính sản phẩm. Rửa sạch khu vực da bị tiếp xúc bằng nhiều nước và xà phòng nếu có thể. Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế.

**Tiếp xúc Mắt** : Rửa mắt với nhiều nước. Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế.

**Khi nuốt phải** : Nói chung không cần có sự điều trị trừ khi nuốt phải một lượng lớn, tuy nhiên, vẫn nên xin chỉ dẫn y tế.

**Những triệu chứng/ tác động cấp tính và lâu dài quan trọng nhất** : Các dấu hiệu và triệu chứng acne hay viêm nang lông do dầu, cũng có thể bao gồm sự hình thành các vết hoặc các mụn đen trên vùng da bị tiếp xúc. Khi nuốt phải, có thể gây ra buồn nôn, ói mửa hoặc bị tiêu chảy.

**Chăm sóc y tế ngay lập tức, điều trị đặc biệt** : Xử lý theo triệu chứng.

## Thông tin an toàn sản phẩm

### 5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Sơ tán những người không phận sự ra khỏi khu vực có hỏa hoạn.

- Các mối nguy hại cụ thể** : Các sản phẩm cháy nguy hiểm bao gồm: Phức hợp các hạt rắn trong không khí, các phân tử chất lỏng và khí (dạng khói). Cacbon monoxit. Các hợp chất hữu cơ và vô cơ chưa xác định.
- Loại phương tiện chữa cháy thích hợp** : Bột, nước phun hay sương mù. Bột hóa chất khô, cacbon dioxit, cát hay đất chỉ có thể được dùng trong trường hợp hỏa hoạn nhỏ.
- Các Phương tiện Dập lửa Không phù hợp** : Không sử dụng vòi phun nước có áp lực để dập lửa.
- Thiết bị bảo vệ và các lưu ý phòng ngừa cho lính cứu hoả** : Phải đeo thiết bị bảo vệ phù hợp bao gồm dụng cụ thở phải được trang bị khi tiếp cận ngọn lửa trong một không gian kín.

### 6. BIỆN PHÁP GIẢM NHẸ TAI NẠN

Tránh tiếp xúc với chất tràn hoặc vật liệu thải. Xem hướng dẫn về lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân trong Chương 8 của Bảng Dữ liệu về An toàn Vật liệu. Xem Chương 13 để biết thông tin về thải bỏ. Tuân theo tất cả các qui định tương ứng của địa phương và quốc tế.

- Lưu ý phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình khẩn cấp** : Tránh tiếp xúc với da và mắt.
- Các lưu ý phòng ngừa về môi trường** : Sử dụng các chất có khả năng giữ để tránh làm ô nhiễm môi trường. Ngăn chặn sự lan rộng hay chảy vào cống, rãnh hay sông bằng cách sử dụng cát, đất, hay các vật chắn thích hợp khác.
- Các phương pháp và vật liệu dùng để chứa chất thải và làm sạch** : rất trơn , khi đổ sản phẩm trên sàn. Để tránh tai nạn, cần dọn sạch ngay lập tức  
Ngăn không cho lan rộng ra bằng cách tạo một rào chắn bằng cát, đất hay các vật liệu có khả năng ngăn chặn khác. Trực tiếp thu hồi chất lỏng hay dùng vật liệu thấm. Thấm hết phần còn sót lại với một chất hấp thụ như đất sét, cát hay các vật liệu thích hợp khác và thải đúng cách.
- Lời khuyên bổ sung** : Phải thông báo cho chính quyền địa phương nếu không khống chế được lượng sản phẩm bị đổ tràn ra.

### 7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

- Cảnh báo Chung** : Nên lắp đặt hệ thống thông gió bên trong để tránh hít phải hơi dầu, sương dầu hoặc bụi dầu. Sử dụng thông tin trong bảng dữ liệu này làm thông tin để đánh giá nguy cơ trong những trường hợp cụ thể nhằm xác định được cách kiểm soát thích hợp trong việc bảo quản, lưu trữ và thải bỏ an toàn sản phẩm này.
- Các lưu ý phòng ngừa về xử lý an toàn** : Tránh tiếp xúc lâu dài hay liên tục với da. Tránh hít phải khí và/hay sương. Khi vận chuyển, bốc xếp sản phẩm trong thùng

**Thông tin an toàn sản phẩm**

	phi phải mang giày bảo hộ lao động và sử dụng các phương tiện bảo vệ, vận chuyển phù hợp. Loại bỏ đúng cách bất kỳ những mảnh giấy bị nhiễm dầu nào hay các vật liệu lau chùi, làm sạch để tránh hỏa hoạn.
<b>Các điều kiện cho việc lưu trữ an toàn</b>	: Giữ bồn chứa dầu được đóng chặt thật kín và ở nơi thoáng mát. Sử dụng những bao bì có thể làm kín và có nhãn đúng qui cách. Tồn chứa ở nhiệt độ bình thường
<b>Vận chuyển Sản phẩm</b>	: Vật liệu này có khả năng là một chất tích điện tĩnh. Phải áp dụng các thủ tục tiếp đất và liên kết thích hợp trong khi thực hiện các hoạt động chuyển hàng rời.
<b>Vật liệu đề xuất</b>	: Đối với bồn chứa dầu và nắp, khuyến cáo sử dụng thép thấp cacbon hoặc polyethylen có tỉ trọng cao.
<b>Vật liệu không phù hợp</b>	: PVC
<b>Khuyến cáo khác</b>	: Không nên đặt những bồn chứa làm bằng Polyethylen ở nơi nhiệt độ cao, do nguy cơ có thể bị biến dạng.

**8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC / BẢO VỆ CÁ NHÂN**

Các thông số, nếu do Hội Nghị Các Chuyên Gia Vệ Sinh Công Nghiệp ( ACGIH ) của Hoa Kỳ cung cấp cho tài liệu này, nó chỉ được dùng với tính cách tham khảo mà thôi.

**Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề nghiệp**

Vật liệu	Nguồn	Loại	ppm	mg/m <sup>3</sup>	Chú giải
Sương dầu khoáng dầu	ACGIH	TWA(Phần có thể hít phải.)		5 mg/m <sup>3</sup>	
	VN OEL	TWA(Sương )		5 mg/m <sup>3</sup>	
	VN OEL	STEL(Sương g)		10 mg/m <sup>3</sup>	

**Chỉ số Tiếp xúc Sinh học (BEI)**

Không có giới hạn về sinh học.

**Các giải pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp** : Mức độ bảo vệ và cách thức kiểm soát cần thiết sẽ thay đổi tùy theo điều kiện phơi nhiễm tiềm ẩn. Lựa chọn cách thức kiểm soát dựa trên đánh giá rủi ro của hoàn cảnh tại chỗ. Các biện pháp thích hợp bao gồm: Sự thông gió phù hợp để kiểm soát sự ngưng đọng trong không khí. Khi sản phẩm bị gia nhiệt, được phun ở dạng bụi dầu hay bị hoá sương, càng có nguy cơ cao về sự hình thành nồng độ cao trong không khí.

**Thông tin an toàn sản phẩm**

- Các biện pháp bảo hộ cá nhân** : Trang thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) phải thỏa mãn các tiêu chuẩn của quốc gia. Hãy kiểm tra các nhà cung cấp PPE.
- Bảo vệ cơ quan hô hấp** : Không có yêu cầu về sự bảo vệ hô hấp trong những điều kiện sử dụng bình thường. Phải thực hiện tốt công tác vệ sinh công nghiệp, để tránh hít phải vật liệu này. Nếu các biện pháp kỹ thuật không duy trì nồng độ hóa chất trong không khí đến một mức phù hợp để bảo vệ sức khỏe công nhân, hãy chọn thiết bị bảo hộ phù hợp với các điều kiện sử dụng cụ thể và đáp ứng các quy định tương ứng. Hãy kiểm tra với những nhà cung cấp thiết bị bảo vệ hô hấp. Khi dụng cụ thở có lọc khí thích hợp, chọn một mặt nạ và bộ lọc kết hợp phù hợp. Lựa chọn bộ lọc phù hợp đối với hỗn hợp hơi và khí hữu cơ/hạt [điểm sôi >65°C (149°F)].
- Bảo vệ Tay** : Khi có sự tiếp xúc bằng tay với sản phẩm thì sử dụng găng tay đạt các tiêu chuẩn tương ứng (như Châu Âu: EN374, Mỹ:F739) được làm từ các vật liệu sau có thể đem lại sự bảo vệ hóa học thích hợp: Găng tay PVC, găng tay cao su neopren hay găng tay cao su nitril. Tính thích hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, chẳng hạn tần suất và thời gian tiếp xúc, tính kháng hoá chất của vật liệu làm găng tay, độ dẻo. Luôn tham khảo ý kiến các nhà cung cấp găng tay. Nên thay găng tay đã bị nhiễm bẩn. Vấn đề vệ sinh cá nhân là yếu tố hàng đầu cho việc bảo vệ đôi tay hiệu quả. Chỉ khi nào tay sạch mới được đeo bao tay. Sau khi sử dụng xong cần rửa tay lại cho sạch và lau khô. Nên sử dụng chất làm ẩm không thơm để rửa tay. Để có thể tiếp xúc liên tục, chúng tôi khuyến cáo sử dụng găng tay với thời gian chọc thủng hơn 240 phút nhưng nên là > 480 phút nếu có thể có găng tay thích hợp. Để bảo vệ trong thời gian ngắn/bắn tóe, chúng tôi cũng khuyến cáo biện pháp tương tự, nhưng có thể không có sẵn găng tay thích hợp với mức bảo vệ như vậy và trong trường hợp này, thời gian chọc thủng thấp hơn có thể chấp nhận được miễn là tuân theo chế độ duy trì và thay thế thích hợp. Độ dày của găng tay không phải là chỉ số tốt về tính chịu hóa chất của găng tay vì điều này phụ thuộc vào thành phần vật liệu chính xác của găng tay.
- Bảo vệ Mắt** : Mang kính an toàn hay tấm che kín mặt nếu hiện tượng bắn tóe có nhiều khả năng xảy ra.
- Quần áo Bảo hộ** : Bảo vệ da thường không yêu cầu vượt quá tiêu chuẩn của quần áo bảo hộ ban hành.
- Các mối nguy hại về nhiệt** : Không áp dụng.
- Phương pháp theo dõi** : Cần giám sát nồng độ của sản phẩm trong khu vực hít thở của công nhân hoặc trong khu vực làm việc nói chung để tuân thủ OEL và kiểm soát tiếp xúc. Đối với một số sản phẩm cũng phải giám sát sinh học phù hợp. Các biện pháp đo lường mức độ phơi nhiễm hợp lệ phải do một người có năng lực thực hiện và các mẫu do phòng thí nghiệm được công nhận phân tích. Các ví dụ về các phương pháp được khuyến dùng để giám sát không khí được đưa ra dưới đây hay liên hệ với nhà cung cấp. Có thể có sẵn các biện pháp cấp quốc gia.

**Thông tin an toàn sản phẩm**

	National Institute of Occupational Safety and Health (NIOSH), USA: Manual of Analytical Methods <a href="http://www.cdc.gov/niosh/">http://www.cdc.gov/niosh/</a> Occupational Safety and Health Administration (OSHA), USA: Sampling and Analytical Methods <a href="http://www.osha.gov/">http://www.osha.gov/</a> Health and Safety Executive (HSE), UK: Methods for the Determination of Hazardous Substances <a href="http://www.hse.gov.uk/">http://www.hse.gov.uk/</a> Institut für Arbeitsschutz Deutschen Gesetzlichen Unfallversicherung (IFA), Germany. <a href="http://www.dguv.de/inhalt/index.jsp">http://www.dguv.de/inhalt/index.jsp</a> L'Institut National de Recherche et de Sécurité, (INRS), France <a href="http://www.inrs.fr/accueil">http://www.inrs.fr/accueil</a>
<b>Kiểm soát tiếp xúc môi trường</b>	: Hạn chế thải dầu ra môi trường. Phải thực hiện đánh giá môi trường để đảm bảo phù hợp với qui định về môi trường tại địa phương.

**9. CÁC ĐẶC TÍNH LÝ HOÁ**

<b>Màu sắc</b>	: Trắng nhò nhò (không rõ). Dạng lỏng ở nhiệt độ thường.
<b>Mùi</b>	: Hydrocabon nhẹ
<b>Ngưỡng mùi</b>	: Không có dữ liệu
<b>pH</b>	: Không áp dụng.
<b>Điểm sôi ban đầu và dải sôi</b>	: > 280 °C / 536 °F (Các) giá trị ước tính
<b>Điểm rót chảy</b>	: Khoảng -12 °C / 10 °F
<b>Điểm chớp cháy</b>	: Khoảng 220 °C / 428 °F (COC)
<b>Các giới hạn bốc cháy hoặc gây nổ mức trên / dưới</b>	: Khoảng 1 - 10 %(V) (trên cơ sở dầu khoáng)
<b>Nhiệt độ tự bốc cháy</b>	: > 320 °C / 608 °F
<b>Áp suất hơi</b>	: < 0.5 Pa ở 20 °C / 68 °F ((Các) giá trị ước tính)
<b>Tỉ Trọng tương đối</b>	: ca. 0.858 ở 15 °C / 59 °F
<b>Tỉ trọng</b>	: ca. 858 kg/m <sup>3</sup> ở 15 °C / 59 °F
<b>Độ tan trong nước</b>	: Không đáng kể.
<b>Độ tan trong các dung môi khác</b>	: Không có dữ liệu
<b>Hệ số phân tách n-octanol/nước ( log Pow )</b>	: > 6 (dựa trên thông tin về những sản phẩm tương tự)
<b>Độ nhớt động</b>	: Không có dữ liệu
<b>Độ nhớt động học</b>	: Khoảng 46 mm <sup>2</sup> /s ở 40 °C / 104 °F
<b>Tỉ Trọng hơi (không khí=1)</b>	: > 1 ((Các) giá trị ước tính)
<b>Độ dẫn điện</b>	: Vật liệu này không được cho là bộ tích điện tĩnh.
<b>tỉ suất bốc hơi(không khí =1)</b>	: Không có dữ liệu
<b>Nhiệt độ phân hủy</b>	: Không có dữ liệu
<b>Tính dễ cháy</b>	: Không có dữ liệu

**10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG**

<b>Ổn định về mặt hoá chất</b>	: Ổn định.
<b>Khả năng có các phản</b>	: Phản ứng với các nguyên tố ôxi hóa mạnh Tránh bị nhiễm các

**Thông tin an toàn sản phẩm**

<b>Ứng nguy hại</b>	: chất cách nhiệt do gần bề mặt nóng bởi dầu và nhựa đường.
<b>Các điều kiện cần tránh</b>	: Nhiệt độ cao và ánh sáng mặt trời trực tiếp.
<b>Các vật liệu không tương thích</b>	: Các nguyên tố ôxi hóa mạnh.
<b>Độ nhạy đối với tĩnh điện</b>	: Những sản phẩm phân hủy nguy hiểm không hình thành trong điều kiện lưu trữ thông thường.

**11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH****Thông tin về các tác động Chất độc**

<b>Cơ sở để Đánh giá</b>	: Thông tin đã cho là dựa vào dữ liệu trên các thành phần và dữ liệu của ngành độc học về các sản phẩm tương tự. Trừ khi được chỉ định khác, mọi dữ liệu trình bày có tính đại diện cho một sản phẩm nói chung, hơn là cho (các) thành phần riêng lẻ.
<b>Những khả năng phơi nhiễm</b>	: Tiếp xúc với da và mắt là những cách chủ yếu của phơi nhiễm cho dù phơi nhiễm có thể xảy ra thông qua việc tinh cờ nuốt phải.
<b>Mức độ độc hại cấp tính – Qua Miệng</b>	: Được cho là có độc tính thấp: LD50 > 5000 mg/kg , Chuột
<b>Mức độ độc hại cấp tính – Qua Da</b>	: Được cho là có độc tính thấp: LD50 > 5000 mg/kg , Thỏ
<b>Mức độ độc hại cấp tính – Khi hít vào</b>	: Không xem là nguy hiểm ở điều kiện sử dụng bình thường.
<b>Bào mòn / Kích ứng da</b>	: Được cho là chất kích ứng nhẹ.
<b>Phá hủy / Kích ứng mắt trầm trọng</b>	: Được cho là chất kích ứng nhẹ.
<b>Gây khó chịu cho Hô hấp</b>	: Hít phải hơi hay sương dầu có thể gây khó chịu.
<b>Nhạy đường hô hấp hoặc nhạy cảm da</b>	: Không gây mẫn cảm cho da .
<b>Nguy hại khi hít phải</b>	: Không bị cho là mối nguy hại đối với hô hấp.
<b>Biến đổi tế bào phôi</b>	: Không được xem là có nguy cơ gây biến đổi gen.
<b>Khả năng gây ung thư</b>	: Không được cho là có khả năng gây ung thư. Các sản phẩm có gốc dầu khoáng đã chứng tỏ không gây ung thư trên các nghiên cứu sơn trên da động vật. Dầu khoáng tinh chế cao không thuộc loại gây ung thư theo Cơ quan Nghiên cứu Quốc tế về Ung thư (IARC).

<b>Vật liệu</b>	<b>Phân loại Khả năng gây ung thư</b>
Dầu khoáng đã tinh lọc cao (IP346 <3%)	: ACGIH Group A4: Không gây ung thư cho người.
Dầu khoáng đã tinh lọc cao (IP346 <3%)	: IARC 3: Không thể phân loại về khả năng gây ung thư ở người.
Dầu khoáng đã tinh lọc cao (IP346 <3%)	: GHS / CLP: Không phân loại có tính gây ung thư

**Thông tin an toàn sản phẩm**

- Độc hại đối với sinh sản và phát triển** : Không được cho là có nguy hiểm.
- Độc Tính chuyên biệt trên các cơ quan đích- do tiếp xúc 1 lần** : Không được cho là có nguy hiểm.
- Độc tính tới các cơ quan đặc biệt của cơ thể (tiếp xúc lặp lại)** : Không được cho là có nguy hiểm.
- Thông tin Bổ sung** : Dầu đã qua sử dụng có chứa những chất bẩn có hại tích lũy trong khi sử dụng. Nồng độ của những chất bẩn như thế tùy thuộc vào quá trình sử dụng và chúng có thể gây ra những nguy hiểm cho sức khỏe và môi trường khi bị thải ra. Tất cả dầu xả nên được xử lý đúng cách, tránh và hạn chế tối đa việc tiếp xúc với da.

**12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**

- Cơ sở để Đánh giá** : Dữ liệu về ảnh hưởng xấu đến sinh thái chưa được xác định cụ thể cho sản phẩm này. Thông tin thể hiện được lấy từ việc nhận biết các thành phần của nó và mức độ tác hại lên môi trường sinh thái của các sản phẩm tương tự. Trừ khi được chỉ định khác, mọi dữ liệu trình bày có tính đại diện cho một sản phẩm nói chung, hơn là cho (các) thành phần riêng lẻ.

**ĐỘC SINH THÁI / độc sinh thái:**

- Độc cấp tính** : Hỗn hợp khó hòa tan. Có thể gây tắc nghẽn vật lý đối với các sinh vật dưới nước. Được cho là không độc trong thực tế. LL/EL/IL50 > 100 mg/l (Đối với các sinh vật sống trong nước) (LL/E50 có nghĩa một lượng sản phẩm tương đối cần có cho một mẫu nước thử.) Dầu khoáng với nồng độ chưa đến 1 mg/l không gây ra tác hại lâu dài cho các sinh vật dưới nước.
- Độ di động** : Không có dữ liệu
- Độ linh động** : Dạng chất lỏng trong điều kiện môi trường thông thường. Trong trường hợp ngấm vào đất, nó sẽ hấp thụ các phần tử trong đất và nằm nguyên ở đó. Nổi trên mặt nước.
- Tính bền/dễ phân hủy** : Được cho là không sẵn sàng phân hủy. Các thành tố chính được cho là có khả năng phân hủy sinh hóa, nhưng sản phẩm chứa các thành phần và các thành phần này có thể tồn tại trong môi trường.
- Có nguy cơ gây tích tụ sinh học** : Chứa các thành phần có khả năng tích lũy sinh hóa.
- Các tác hại khác** : Sản phẩm là một hỗn hợp không bay hơi, do vậy lượng thoát ra không khí không đáng kể. Không có nguy cơ phá hủy tầng ozone, không có nguy cơ tầng ozone bị quang hóa và không có nguy cơ làm trái đất ấm lên.

**13. CÁC CÁCH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

- Hủy bỏ Sản phẩm** : Khô phục hoặc tái chế nếu có thể. Người thải rác có trách



**Thông tin an toàn sản phẩm**

		nhiệm xác định độ độc và các tính chất vật lý của rác thải nhằm xác định loại rác cũng như phương pháp thải phù hợp với các qui định được áp dụng. Không nên thải vào môi trường, vào cống nước hay các dòng nước.
<b>Loại bỏ Thùng chứa</b>	:	Công tác loại bỏ phải phù hợp với các qui định phổ biến, ưu tiên người thu gom và nhà thầu có uy tín. Việc chọn sử dụng người thu gom hay nhà thầu phải được quyết định trước.
<b>Điều luật Địa phương</b>	:	Việc loại bỏ phải phù hợp với luật pháp và qui định áp dụng ở khu vực, quốc gia và địa phương.

**14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN****Bảng đường bộ (theo phân loại của ADR): Không được quy định**

Vật liệu này không được phân loại là độc theo các qui định của ADR.

**IMDG**

Vật liệu này không được phân loại là độc theo các qui định của IMDG.

**IATA (Có thể được áp dụng khác nhau tùy theo từng nước).**

Vật liệu này không được phân loại là nguy hiểm theo các quy định IATA hoặc cần tuân theo các yêu cầu cụ thể của quốc gia.

**Vận chuyển hàng rời theo Phụ Lục II, MARPOL 73/78 và Luật IBC**

Nhóm Ô Nhiễm	:	Không áp dụng.
Loại Tàu	:	Không áp dụng.
Tên Sản Phẩm	:	Không áp dụng.
Đề Phòng Đặc Biệt	:	Không áp dụng.

**Thông tin Bổ sung** : Các qui tắc MARPOL bổ sung áp dụng cho việc vận chuyển một lượng lớn trên biển.

**15. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH**

Các thông tin qui định không có nghĩa bao hàm toàn bộ. Các qui định khác có thể được áp dụng cho sản phẩm này.

**Kiểm kê nội bộ**

EINECS	:	Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc trừ các chất polyme.
TSCA	:	Tất cả các thành phần được liệt kê.
<b>Tác nhân gây nhạy sáng không đủ để phân loại</b>	:	Chứa N-phenyl-1-naphthylamine. Có thể gây dị ứng.
<b>Các Thông tin khác</b>	:	Điều 29, Luật Hoá chất Việt Nam, và Phụ lục 5, phần D của

## Thông tin an toàn sản phẩm

Thông tư số 12/2006/TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp ( "Thông tư 12").

Các quy định của Việt Nam về giao thông vận tải: Nghị định số 13/2003 ND-CP ngày 19 tháng 2 năm 2003 quy định danh mục các mặt hàng nguy hiểm và việc vận chuyển các mặt hàng nguy hiểm; Thông tư 20/2004/TT-BCN của Bộ Công nghiệp ngày 31/12/2004 hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 3/2003 ND-CP ngày 19 tháng 2 năm 2003; Nghị định 29/2005/ND-CP ngày 10 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định "danh mục các mặt hàng nguy hiểm và việc vận chuyển các hàng hoá nguy hiểm bằng đường thủy nội địa.

Luật Hoá chất Việt Nam; Nghị định số 108/2008/ ND-CP ngày 7 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về việc thực hiện Luật Hoá chất; Nghị định số 68/2005/ND-CP ngày 20 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về An toàn Hoá chất; Thông tư 12/2006 TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp hướng dẫn thực hiện Nghị định số 68/2005/ND-CP của Chính phủ về An toàn Hoá chất; Luật Tiêu chuẩn và Chỉ tiêu Kỹ thuật.

---

### 16. THÔNG TIN KHÁC

#### Công bố về nguy hiểm theo

- H304 Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và xâm nhập đường hô hấp.  
H317 Có thể gây dị ứng trên da.  
H410 Rất độc cho sinh vật dưới nước với hậu quả lâu dài.

- Số Phiên bản MSDS** : 1.1  
**Ngày có Hiệu lực SDS** : 12.02.2013  
**Hiệu chỉnh SDS** : Một vạch thẳng đứng ( | ) ở phía trái cho biết 1 sự hiệu chỉnh ( sửa đổi) so với phiên bản trước đây.  
**Phân phối MSDS** : Thông tin trong tài liệu này phải được phổ biến cho những ai có thể sử dụng sản phẩm này.  
**Không cam đoan** : Thông tin này được dựa trên hiểu biết hiện tại của chúng tôi và để mô tả sản phẩm chỉ nhằm phục vụ cho các yêu cầu về sức khỏe, an toàn, và môi trường. Vì vậy, nó không được coi như là sự bảo đảm về bất kỳ thuộc tính cụ thể gì của sản phẩm.